

8217	=	2000 + 500 + 40 + 9	=
4912	=	1000 + 200 + 30	=
2045	=	6000 + 100 + 2	=
5008	=	5000 + 40	=

Bài 3. Đặt tính rồi tính:

a) $72438 + 6517$

b) $97196 - 35287$

c) 25425×4

d) $42785 : 5$

.....

Bài 4. Tính giá trị của biểu thức:

a) $37900 + 24600 \times 2 = \dots\dots\dots$

b) $(37900 + 24600) \times 2 = \dots\dots\dots$

=

=

=

=

c. Hoạt động 3: Sửa bài (10 phút):

- Yêu cầu đại diện các nhóm lên bảng sửa bài.
- Giáo viên chốt đúng - sai.

- Đại diện các nhóm sửa bài trên bảng lớp.
- Học sinh nhận xét, sửa bài.

3. Hoạt động nối tiếp (3 phút):

- Yêu cầu học sinh tóm tắt nội dung rèn luyện.
- Nhận xét tiết học. Nhắc học sinh chuẩn bị bài.

- Học sinh phát biểu.

Rèn toán Ôn tập số tự nhiên đến 100 000 (tiết 2)

I. MỤC TIÊU:

1. **Kiến thức:** Củng cố kiến thức cho học sinh về đọc, viết, các phép tính trên số tự nhiên trong phạm vi 100 000.

2. **Kỹ năng:** Giúp học sinh thực hiện tốt các bài tập củng cố và mở rộng.

3. **Thái độ:** Sáng tạo, hợp tác, cẩn thận.

* **Phân hóa:** Học sinh chưa hoàn thành chỉ làm tự chọn 2 trong 4 bài tập; học sinh chậm làm tự chọn 3 trong 4 bài tập; học sinh mũi nhọn thực hiện hết các yêu cầu.

II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:

1. Giáo viên: Bảng phụ, phiếu bài tập.

2. Học sinh: Đồ dùng học tập.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU:

<i>Hoạt động rèn luyện của giáo viên</i>	<i>Hoạt động học tập của học sinh</i>
1. Hoạt động khởi động (5 phút):	

<ul style="list-style-type: none"> - Ôn định tổ chức. - Giới thiệu nội dung rèn luyện. <p>2. Các hoạt động rèn luyện:</p> <p>a. Hoạt động 1: Giao việc (5 phút):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên giới thiệu các bài tập trên phiếu. yêu cầu học sinh chưa hoàn thành và khá tự chọn đề bài. - Giáo viên chia nhóm theo trình độ. - Phát phiếu luyện tập cho các nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát - Lắng nghe. <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh quan sát và chọn đề bài. - Học sinh lập nhóm. - Nhận phiếu và làm việc. 								
<p>b. Hoạt động 2: Thực hành ôn luyện (20 phút):</p> <p>Bài 1. Viết số biết số đó gồm :</p> <p>a/ 6 chục nghìn , 8 trăm ,2 chục và 4 đơn vị :</p> <p>b/ 7 chục nghìn , 2 trăm và 1 đơn vị :</p> <p>c/ 9 chục nghìn , 5 nghìn và 3 chục :</p> <p>d/ 8 chục nghìn và 5 đơn vị :</p> <p>Bài 2. Tính nhẩm :</p> <table style="width: 100%; border: none;"> <tr> <td style="width: 50%;">a) $30\ 000 + 30\ 000 + 40\ 000 = \dots\dots\dots$</td> <td style="width: 50%;">b) $35\ 000 : 5 = \dots\dots\dots$</td> </tr> <tr> <td>$80\ 000 - (50\ 000 - 20\ 000) = \dots\dots\dots$</td> <td>$54\ 000 : 6 = \dots\dots\dots$</td> </tr> <tr> <td>c) $90\ 000 - 80\ 000 : 2 = \dots\dots\dots$</td> <td>d) $60\ 000 + (30\ 000 : 3) = \dots\dots\dots$</td> </tr> <tr> <td>$(90\ 000 - 80\ 000) : 2 = \dots\dots\dots$</td> <td>$(60\ 000 + 30\ 000) : 3 = \dots\dots\dots$</td> </tr> </table>		a) $30\ 000 + 30\ 000 + 40\ 000 = \dots\dots\dots$	b) $35\ 000 : 5 = \dots\dots\dots$	$80\ 000 - (50\ 000 - 20\ 000) = \dots\dots\dots$	$54\ 000 : 6 = \dots\dots\dots$	c) $90\ 000 - 80\ 000 : 2 = \dots\dots\dots$	d) $60\ 000 + (30\ 000 : 3) = \dots\dots\dots$	$(90\ 000 - 80\ 000) : 2 = \dots\dots\dots$	$(60\ 000 + 30\ 000) : 3 = \dots\dots\dots$
a) $30\ 000 + 30\ 000 + 40\ 000 = \dots\dots\dots$	b) $35\ 000 : 5 = \dots\dots\dots$								
$80\ 000 - (50\ 000 - 20\ 000) = \dots\dots\dots$	$54\ 000 : 6 = \dots\dots\dots$								
c) $90\ 000 - 80\ 000 : 2 = \dots\dots\dots$	d) $60\ 000 + (30\ 000 : 3) = \dots\dots\dots$								
$(90\ 000 - 80\ 000) : 2 = \dots\dots\dots$	$(60\ 000 + 30\ 000) : 3 = \dots\dots\dots$								

<p>Bài 3. Tính giá trị của biểu thức:</p>	
<p>a) $32\ 050 + 32\ 050 : 2$</p> <p>=</p> <p>=</p>	<p>b) $(32\ 050 + 32\ 050) : 2$</p> <p>=</p> <p>=</p>
<p>c) $(32\ 050 + 32\ 050 : 2) - 32\ 050 : 2$</p> <p>=</p> <p>=</p>	<p>d) $31\ 030 : 5 + 15809$</p> <p>=</p> <p>=</p>

Bài 4. Trong kho có 9 thùng dầu. Trong đó có 5 thùng đựng 385 lít dầu. Hỏi trong kho có tất cả bao nhiêu lít dầu?

Giải

.....

.....

.....

.....

c. Hoạt động 3: Sửa bài (10 phút):

- Yêu cầu đại diện các nhóm lên bảng sửa bài.
- Giáo viên chốt đúng - sai.

3. Hoạt động nối tiếp (3 phút):

- Yêu cầu học sinh tóm tắt nội dung rèn luyện.
- Nhận xét tiết học. Nhắc học sinh chuẩn bị bài.

- Đại diện các nhóm sửa bài trên bảng lớp.
- Học sinh nhận xét, sửa bài.
- Học sinh phát biểu.

Rèn toán

Ôn tập số tự nhiên đến 100 000 (tiết 3)

I. MỤC TIÊU:

1. **Kiến thức:** Củng cố kiến thức cho học sinh về đọc, viết, các phép tính trên số tự nhiên trong phạm vi 100 000.
2. **Kĩ năng:** Giúp học sinh thực hiện tốt các bài tập củng cố và mở rộng.
3. **Thái độ:** Sáng tạo, hợp tác, cẩn thận.

* **Phân hóa:** Học sinh chưa hoàn thành chỉ làm tự chọn 2 trong 4 bài tập; học sinh chậm làm tự chọn 3 trong 4 bài tập; học sinh mũi nhọn thực hiện hết các yêu cầu.

II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:

1. Giáo viên: Bảng phụ, phiếu bài tập.
2. Học sinh: Đồ dùng học tập.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU:

<i>Hoạt động rèn luyện của giáo viên</i>	<i>Hoạt động học tập của học sinh</i>
<p>1. Hoạt động khởi động (5 phút):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ổn định tổ chức. - Giới thiệu nội dung rèn luyện. <p>2. Các hoạt động rèn luyện:</p> <p>a. Hoạt động 1: Giao việc (5 phút):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên giới thiệu các bài tập trên phiếu. yêu cầu học sinh chưa hoàn thành và khá tự chọn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát - Lắng nghe. - Học sinh quan sát và chọn đề bài.

bài. - Giáo viên chia nhóm theo trình độ. - Phát phiếu luyện tập cho các nhóm.	- Học sinh lập nhóm. - Nhận phiếu và làm việc.
--	---

b. Hoạt động 2: Thực hành ôn luyện (20 phút):

Bài 1. Tính các giá trị của biểu thức sau (theo mẫu):

<i>a</i>	$8 \times a$
2	
7	
6	

<i>b</i>	$36 : b$
4	
6	
9	

<i>c</i>	$82 + c$
15	
39	
48	

<i>d</i>	$76 - d$
32	
18	
42	

Bài 2. Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp:

a) Nếu $m = 8$ thì $61 + 3 \times m = \dots\dots\dots$

b) Nếu $m = 5$ thì $72 - 35 : n = \dots\dots\dots$

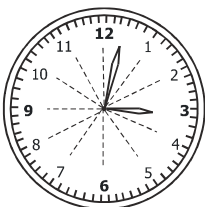
c) Nếu một hình vuông có độ dài cạnh là $a = 7\text{cm}$ thì chu vi hình vuông đó là:

$P = a \times 4 = \dots\dots$

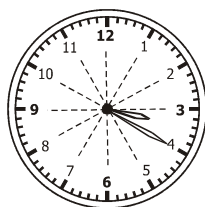
Bài 3. Viết vào ô trống (theo mẫu):

<i>p</i>	Biểu thức	Giá trị của biểu thức
14	$40 - p$	26
72	$28 + p$	
17	$p \times 2 + 20$	
8	$(46 - p) : 2$	
45	$p : 3 - 10$	

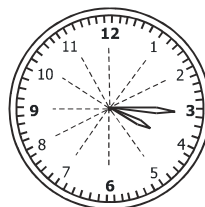
Bài 4. Khoanh vào chữ ở dưới đồng hồ thích hợp: vào buổi chiều, đồng hồ chỉ 15 giờ 20 phút là:



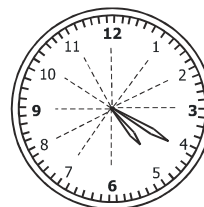
A



B



C



D

c. Hoạt động 3: Sửa bài (10 phút):

- Yêu cầu đại diện các nhóm lên bảng sửa bài.
- Giáo viên chốt đúng - sai.

3. Hoạt động nối tiếp (3 phút):

- Đại diện các nhóm sửa bài trên bảng lớp.
- Học sinh nhận xét, sửa bài.